

Số: **3052** /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày **24** tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2017**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-HVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2017 cho **166** (một trăm sáu mươi sáu) viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)



**Nguyễn Thị Lan**

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**  
**ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số **3052** /QĐ-HVN ngày **24** tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

| STT                                                            | Họ đệm          | Tên   | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                            |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                                  | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú |           |    |
|----------------------------------------------------------------|-----------------|-------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|-----------|----|
|                                                                |                 |       | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/ chức danh                                    | Bậc trong ngạch/ chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/ chức danh                | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ nâng bậc, PC TNVK lần sau |                                                                   |         | Số tháng  |    |
| A                                                              | B               | C     | 1        | 2    | 3                                          | 4                                                         | 5                          | 6                  | 7                 | 8                        | 9                         | 10                                    | 11                     | 12                    | 13                | 14                       | 15                                               | 16                                                                | 17      | 18        | 19 |
| I Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên |                 |       |          |      |                                            |                                                           |                            |                    |                   |                          |                           |                                       |                        |                       |                   |                          |                                                  |                                                                   |         |           |    |
| 1                                                              | Nguyễn Ngọc     | Ánh   | 1960     |      | Thạc sĩ                                    | 01.002                                                    | 4                          | 5.42               |                   |                          | 01/2014                   | 01.002                                | 5                      | 5.76                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.340   | 2,468,400 |    |
| 2                                                              | Bùi Thị Lan     | Hương |          | 1984 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 02/2014                   | 01.003                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 02/2017                                          | 5                                                                 | 0.330   | 1,996,500 |    |
| 3                                                              | Trần Thị Phương | Lan   |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | 01.003                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 4                                                              | Trần Duy        | Tùng  | 1981     |      | Thạc sĩ                                    | 01.003                                                    | 2                          | 2.67               |                   |                          | 02/2014                   | 01.003                                | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 02/2017                                          | 5                                                                 | 0.330   | 1,996,500 |    |
| 5                                                              | Nguyễn Thị      | Lịch  |          | 1978 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 3                          | 3.00               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 6                                                              | Nguyễn Thị      | Hồng  |          | 1970 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 3                          | 3.00               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 7                                                              | Nguyễn Mạnh     | Thước | 1971     |      | Đại học                                    | 01.003                                                    | 3                          | 3.00               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 8                                                              | Nguyễn Bình     | Trung | 1985     |      | Thạc sĩ                                    | 01.003                                                    | 3                          | 3.00               |                   |                          | 04/2014                   | 01.003                                | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 04/2017                                          | 3                                                                 | 0.330   | 1,197,900 |    |
| 9                                                              | Lê Thị Thu      | Nhàn  |          | 1974 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 10                                                             | Trần Thuý       | Lan   |          | 1977 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 11                                                             | Nguyễn Thị Hoài | Hương |          | 1969 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 01/2014                   | 01.003                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.330   | 2,395,800 |    |
| 12                                                             | Nguyễn Thị Hà   | Nam   |          | 1973 | Đại học                                    | 01.003                                                    | 6                          | 3.99               |                   |                          | 05/2014                   | 01.003                                | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 05/2017                                          | 2                                                                 | 0.330   | 798,600   |    |
| 13                                                             | Nguyễn Phương   | Liên  |          | 1985 | Đại học                                    | 01.004                                                    | 4                          | 2.46               |                   |                          | 03/2015                   | 01.004                                | 5                      | 2.66                  |                   |                          | 03/2017                                          | 4                                                                 | 0.200   | 968,000   |    |
| 14                                                             | Nguyễn Thị      | Hương |          | 1984 | Đại học                                    | 01.007                                                    | 1                          | 1.65               |                   |                          | 04/2015                   | 01.007                                | 2                      | 1.83                  |                   |                          | 04/2017                                          | 3                                                                 | 0.180   | 653,400   |    |
| 15                                                             | Nguyễn Hồng     | Dân   | 1976     |      | Trung cấp                                  | 01.007                                                    | 2                          | 1.83               |                   |                          | 02/2015                   | 01.007                                | 3                      | 2.01                  |                   |                          | 02/2017                                          | 5                                                                 | 0.180   | 1,089,000 |    |
| 16                                                             | Nguyễn Đình     | Phi   | 1971     |      | Đại học                                    | 01.007                                                    | 3                          | 2.01               |                   |                          | 06/2015                   | 01.007                                | 4                      | 2.19                  |                   |                          | 06/2017                                          | 1                                                                 | 0.180   | 217,800   |    |
| 17                                                             | Dương Thị       | Ngát  |          | 1986 | Đại học                                    | 01.007                                                    | 3                          | 2.01               |                   |                          | 01/2015                   | 01.007                                | 4                      | 2.19                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.180   | 1,306,800 |    |
| 18                                                             | Bùi Thị         | Dung  |          | 1973 |                                            | 01.009                                                    | 2                          | 1.18               |                   |                          | 01/2015                   | 01.009                                | 3                      | 1.36                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.180   | 1,306,800 |    |
| 19                                                             | Dương Lan       | Hương |          | 1979 | Đại học                                    | 01.009                                                    | 2                          | 1.18               |                   |                          | 01/2015                   | 01.009                                | 3                      | 1.36                  |                   |                          | 01/2017                                          | 6                                                                 | 0.180   | 1,306,800 |    |

| STT | Họ đệm           | Tên    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                            |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                                   | Chênh lệch | Tiền lương tăng thêm và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|---------|
|     |                  |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/ chức danh                                    | Bậc trong ngạch/ chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/ chức danh                | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau |            |                                                       |         |
| 20  | Trần Thị Khánh   | Vân    |          | 1969 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 01/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.180      | 1,306,800                                             |         |
| 21  | Nguyễn Thị       | Hoa    |          | 1973 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 22  | Nguyễn Thị       | Minh   |          | 1981 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 23  | Nguyễn Thị       | Thanh  |          | 1969 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 24  | Nghiêm Thị       | Kim    |          | 1976 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 25  | Lương Thị        | Tuyết  |          | 1988 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 26  | Vũ Thị           | Hoa    |          | 1972 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 27  | Lê Thị           | Bình   |          | 1981 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 28  | Dương Quang      | Hiển   | 1985     |      |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 29  | Đỗ Thị           | Xuân   |          | 1974 |                                            | 01.009                                                    | 4                          | 1.54               |                   |                          | 06/2015                   | 01.009                                | 5                      | 1.72                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.180      | 217,800                                               |         |
| 30  | Trương Thị       | Thắng  |          | 1969 | Đại học                                    | 01.009                                                    | 6                          | 1.90               |                   |                          | 05/2015                   | 01.009                                | 7                      | 2.08                  |                   |                          | 05/2017                                           | 0.180      | 435,600                                               |         |
| 31  | Phạm Quốc        | Việt   | 1975     |      | Đại học                                    | 01.010                                                    | 8                          | 3.31               |                   |                          | 02/2015                   | 01.010                                | 9                      | 3.49                  |                   |                          | 02/2017                                           | 0.180      | 1,089,000                                             |         |
| 32  | Dương Ngọc       | Anh    | 1970     |      | Đại học                                    | 01.010                                                    | 11                         | 3.85               |                   |                          | 03/2015                   | 01.010                                | 12                     | 4.03                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.180      | 871,200                                               |         |
| 33  | Lại Thành        | Công   | 1980     |      | Đại học                                    | 01.011                                                    | 2                          | 1.68               |                   |                          | 02/2015                   | 01.011                                | 3                      | 1.86                  |                   |                          | 02/2017                                           | 0.180      | 1,089,000                                             |         |
| 34  | Nguyễn Thế       | Hưng   | 1987     |      |                                            | 01.011                                                    | 2                          | 1.68               |                   |                          | 02/2015                   | 01.011                                | 3                      | 1.86                  |                   |                          | 02/2017                                           | 0.180      | 1,089,000                                             |         |
| 35  | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  |          | 1981 | Thạc sĩ                                    | 06.031                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | 06.031                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |
| 36  | Hoàng Bạch       | Dương  | 1990     |      | Đại học                                    | 06.031                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | 06.031                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |
| 37  | Nguyễn Thị Thanh | Tuấn   |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | 06.031                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | 06.031                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |
| 38  | Trần Thị Thu     | Trang  |          | 1979 | Đại học                                    | 06.031                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 01/2014                   | 06.031                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |
| 39  | Hà Thị Phương    | Mai    |          | 1985 | Đại học                                    | 13.095                                                    | 1                          | 2.34               |                   |                          | 02/2014                   | 13.095                                | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 02/2017                                           | 0.330      | 1,996,500                                             |         |
| 40  | Lê Thị Hồng      | Hạnh   |          | 1972 | Đại học                                    | 13.095                                                    | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | 13.095                                | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330      | 1,597,200                                             |         |
| 41  | Nguyễn Thị Minh  | Phương |          | 1983 | Đại học                                    | 13.095                                                    | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | 13.095                                | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330      | 1,597,200                                             |         |
| 42  | Phạm Bích        | Tuấn   | 1972     |      | Thạc sĩ                                    | 13.095                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 06/2014                   | 13.095                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 06/2017                                           | 0.330      | 399,300                                               |         |
| 43  | Ngô Đăng         | Truyền | 1979     |      | Đại học                                    | 13.095                                                    | 4                          | 3.33               |                   |                          | 05/2014                   | 13.095                                | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 05/2017                                           | 0.330      | 798,600                                               |         |
| 44  | Vũ Thị Thuý      | Hằng   |          | 1979 | Thạc sĩ                                    | 13.095                                                    | 5                          | 3.66               |                   |                          | 01/2014                   | 13.095                                | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |
| 45  | Nguyễn Thế       | Toàn   | 1976     |      | Đại học                                    | 13.095                                                    | 7                          | 4.32               |                   |                          | 01/2014                   | 13.095                                | 8                      | 4.65                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330      | 2,395,800                                             |         |

| STT | Họ đệm         | Tên    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                            |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                | Chênh lệch | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú   |  |
|-----|----------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|     |                |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/ chức danh                                    | Bậc trong ngạch/ chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/ chức danh                | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ lần sau |            |                                                                   |           |  |
| 46  | Phan Văn       | Diệp   | 1963     |      | Đại học                                    | 13.095                                                    | 7                          | 4.32               |                   |                          | 01/2014                   | 13.095                                | 8                      | 4.65                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 47  | Nguyễn Hữu     | Bằng   | 1981     |      | Đại học                                    | 13.096                                                    | 2                          | 2.06               |                   |                          | 04/2015                   | 13.096                                | 3                      | 2.26                  |                   |                          | 04/2017                        | 3          | 0.200                                                             | 726,000   |  |
| 48  | Vũ Hải         | Anh    | 1988     |      | Trung cấp                                  | 13.096                                                    | 3                          | 2.26               |                   |                          | 01/2015                   | 13.096                                | 4                      | 2.46                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.200                                                             | 1,452,000 |  |
| 49  | Lưu Quang      | Hưng   | 1984     |      | Cao đẳng                                   | 13.096                                                    | 3                          | 2.26               |                   |                          | 01/2015                   | 13.096                                | 4                      | 2.46                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.200                                                             | 1,452,000 |  |
| 50  | Lê Khắc        | Bộ     | 1972     |      | Thạc sĩ                                    | 15.110                                                    | 2                          | 4.74               |                   |                          | 06/2014                   | 15.110                                | 3                      | 5.08                  |                   |                          | 06/2017                        | 1          | 0.340                                                             | 411,400   |  |
| 51  | Vũ Như         | Quán   | 1953     |      | Tiến sĩ                                    | 15.110                                                    | 3                          | 5.08               |                   |                          | 01/2014                   | 15.110                                | 4                      | 5.42                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.340                                                             | 2,468,400 |  |
| 52  | Nguyễn Thị Như | Hoa    |          | 1975 | Trung cấp                                  | 16.135                                                    | 7                          | 3.06               |                   |                          | 01/2015                   | 16.135                                | 8                      | 3.26                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.200                                                             | 1,452,000 |  |
| 53  | Lê Thị Nhị     | Hà     | 1970     |      | Đại học                                    | 16a.198                                                   | 5                          | 3.66               |                   |                          | 03/2014                   | 16a.198                               | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 |  |
| 54  | Nguyễn Thị     | Huyền  | 1988     |      | Đại học                                    | V.05.02.07                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.05.02.07                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 55  | Nguyễn Thị     | Huyền  |          | 1988 | Thạc sĩ                                    | V.05.02.07                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.05.02.07                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 56  | Hoàng Văn      | Quyết  | 1984     |      | Đại học                                    | V.05.02.07                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.05.02.07                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 57  | Đinh Thế       | Duy    | 1988     |      | Đại học                                    | V.05.02.07                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.05.02.07                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 58  | Đỗ Thị Đức     | Hạnh   |          | 1973 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 2                          | 4.74               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.02                            | 3                      | 5.08                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.340                                                             | 1,645,600 |  |
| 59  | Phạm Phương    | Nam    | 1966     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 2                          | 4.74               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.02                            | 3                      | 5.08                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.340                                                             | 1,645,600 |  |
| 60  | Trần Lê        | Thanh  | 1968     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 2                          | 4.74               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.02                            | 3                      | 5.08                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.340                                                             | 1,645,600 |  |
| 61  | Nguyễn Văn     | Quân   | 1972     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 2                          | 4.74               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.02                            | 3                      | 5.08                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.340                                                             | 1,645,600 |  |
| 62  | Nguyễn Thị     | Nguyệt |          | 1967 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 3                          | 5.08               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.02                            | 4                      | 5.42                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.340                                                             | 2,468,400 |  |
| 63  | Nguyễn Thị Thu | Thủy   | 1964     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.02                                                | 4                          | 5.42               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.02                            | 5                      | 5.76                  |                   |                          | 03/2017                        | 4          | 0.340                                                             | 1,645,600 |  |
| 64  | Phạm Thị Bích  | Phương |          | 1989 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 65  | Hoàng Quốc     | Việt   | 1989     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 66  | Vũ Thanh       | Biển   | 1990     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 67  | Nguyễn Thị Thu | Trang  |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 02/2017                        | 5          | 0.330                                                             | 1,996,500 |  |
| 68  | Hoàng Thị      | Hằng   |          | 1990 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 69  | Nguyễn Mạnh    | Hiếu   | 1990     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 70  | Vũ Khắc        | Xuân   | 1990     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |
| 71  | Nguyễn Anh     | Đức    | 1989     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                        | 6          | 0.330                                                             | 2,395,800 |  |

| STT | Họ đệm           | Tên    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                            |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                                   | Chênh lệch trong năm (đồng) | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                  |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/ chức danh                                    | Bậc trong ngạch/ chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/ chức danh                | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau |                             |                                                                   |         |
| 72  | Nguyễn Thị Thúy  | Lan    |          | 1989 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 73  | Trần Thu         | Trang  |          | 1987 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 74  | Phạm Thị         | Hạnh   |          | 1989 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 75  | Đỗ Ngọc          | Bích   |          | 1990 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 76  | Nguyễn Thị       | Nhiên  |          | 1989 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 05/2017                                           | 0.330                       | 798,600                                                           |         |
| 77  | Nguyễn Thủy      | Dung   |          | 1990 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 78  | Trần Thị Hải     | Phượng |          | 1990 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 79  | Nguyễn Trọng     | Tuỳnh  | 1989     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 80  | Nguyễn Thị Khánh | Huyền  |          | 1990 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 81  | Đoàn Thị         | Ninh   |          | 1985 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 82  | Nguyễn Anh       | Tuấn   | 1989     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 83  | Phạm Quốc        | Đạt    | 1988     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 1                          | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 0.330                       | 2,395,800                                                         |         |
| 84  | Phan Thị Hồng    | Nhung  |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 85  | Nguyễn Thị       | Xuân   |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 86  | Nguyễn Ngọc      | Bằng   | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 87  | Chu Tuấn         | Thịnh  | 1984     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 88  | Vũ Thị           | Thu    |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 89  | Nguyễn Khắc Việt | Ba     | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 90  | Ngô Thị          | Hà     |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 91  | Đoàn Thanh       | Thủy   |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 92  | Trần Như         | Khánh  | 1983     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 93  | Thái Thị         | Nhung  |          | 1986 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 94  | Lê Phương        | Nam    | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 95  | Nguyễn Hữu       | Giáp   | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 05/2017                                           | 0.330                       | 798,600                                                           |         |
| 96  | Trần Thế         | Cường  | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |
| 97  | Trần Thanh       | Hương  |          | 1986 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 03/2017                                           | 0.330                       | 1,597,200                                                         |         |



| STT | Họ đệm         | Tên    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                            |                    |                   |                          |                           |                        |                        | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                   |                          |                                                   |   |       | Chênh lệch | Tiền lương tăng thêm và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|----------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|---|-------|------------|-------------------------------------------------------|---------|
|     |                |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/ chức danh                                    | Bậc trong ngạch/ chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/ chức danh | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc                 | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau |   |       |            |                                                       |         |
| 98  | Bùi Thị Hải    | Yến    |          | 1985 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 99  | Dương Thị      | Thúy   |          | 1988 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5 | 0.330 | 1,996,500  |                                                       |         |
| 100 | Vũ Quỳnh       | Hương  |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 101 | Nguyễn Thị     | Hạnh   |          | 1983 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6 | 0.330 | 2,395,800  |                                                       |         |
| 102 | Dương Đức      | Hiếu   | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6 | 0.330 | 2,395,800  |                                                       |         |
| 103 | Nguyễn Thị     | Hằng   |          | 1985 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 104 | Lê Văn         | Trương | 1985     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 105 | Trần Minh      | Hải    | 1985     |      | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 07/2013                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6 | 0.330 | 2,395,800  | Kéo dài 06 tháng                                      |         |
| 106 | Nguyễn Hữu     | Hải    | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2 | 0.330 | 798,600    |                                                       |         |
| 107 | Đoàn Thị Thu   | Hà     |          | 1986 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5 | 0.330 | 1,996,500  |                                                       |         |
| 108 | Nguyễn Thị     | Lan    |          | 1986 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 109 | Đỗ Thị Mỹ      | Hạnh   |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 110 | Nguyễn Ngọc    | Mai    |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 06/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 06/2017                                           | 1 | 0.330 | 399,300    |                                                       |         |
| 111 | Trần Thị Thanh | Huyền  |          | 1986 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 112 | Nguyễn Thị Cẩm | Châu   |          | 1987 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 113 | Ngô Thu        | Hà     |          | 1985 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 02/2013                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3 | 0.330 | 1,197,900  | Kéo dài 14 tháng                                      |         |
| 114 | Nguyễn Thanh   | Huyền  |          | 1984 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 115 | Phí Thị Cẩm    | Miền   |          | 1984 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 116 | Nguyễn Thanh   | Hào    | 1986     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6 | 0.330 | 2,395,800  |                                                       |         |
| 117 | Ngô Thị        | Thương |          | 1986 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 04/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3 | 0.330 | 1,197,900  |                                                       |         |
| 118 | Trịnh Thị      | Trang  |          | 1987 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 119 | Đoàn Thanh     | Loan   |          | 1978 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6 | 0.330 | 2,395,800  |                                                       |         |
| 120 | Nguyễn Thị     | Hậu    |          | 1987 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 121 | Nguyễn Thế     | Hạnh   | 1987     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 2                          | 2.67               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 3                      | 3.00                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 122 | Vũ Thị         | Xuân   |          | 1984 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 3                          | 3.00               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03             | 4                      | 3.33                                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4 | 0.330 | 1,597,200  |                                                       |         |
| 123 | Lê Anh         | Son    | 1984     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 3                          | 3.00               |                   |                          | 04/2014                   | V.07.01.03             | 4                      | 3.33                                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3 | 0.330 | 1,197,900  |                                                       |         |

| STT | Họ đệm           | Tên    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                           |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                                   | Chênh lệch | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Ghi chú   |                  |
|-----|------------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|
|     |                  |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch/chức danh                                     | Bậc trong ngạch/chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/chức danh                 | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng, nâng, bậc, PC TNVK lần sau |            |                                                                   |           |                  |
| 124 | Đặng Ngọc        | Danh   | 1982     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 3                         | 3.00               |                   |                          | 04/2014                   | V.07.01.03                            | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3          | 0.330                                                             | 1,197,900 |                  |
| 125 | Trình Thị Thu    | Thủy   |          | 1983 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 3                         | 3.00               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 4                      | 3.33                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 |                  |
| 126 | Nguyễn Đức       | Khánh  | 1980     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 10/2013                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3          | 0.330                                                             | 1,197,900 | Kéo dài 06 tháng |
| 127 | Nguyễn Thanh     | Tuấn   | 1982     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 06/2014                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 06/2017                                           | 1          | 0.330                                                             | 399,300   |                  |
| 128 | Ngô Thanh        | Son    | 1980     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 09/2013                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 | Kéo dài 06 tháng |
| 129 | Phạm Đức         | Nghĩa  | 1981     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 05/2017                                           | 12         | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 130 | Trần Đức         | Trí    | 1980     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 |                  |
| 131 | Nguyễn Thị Thanh | Hòa    |          | 1979 | Đại học                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 |                  |
| 132 | Trương Hà        | Thái   | 1978     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 05/2012                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3          | 0.330                                                             | 1,197,900 | Kéo dài 23 tháng |
| 133 | Vũ Thị           | Huyền  |          | 1981 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 10/2013                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3          | 0.330                                                             | 1,197,900 | Kéo dài 06 tháng |
| 134 | Nguyễn Văn       | Quảng  | 1979     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 4                         | 3.33               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03                            | 5                      | 3.66                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5          | 0.330                                                             | 1,996,500 |                  |
| 135 | Lê Ngọc          | Anh    |          | 1977 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5          | 0.330                                                             | 1,996,500 |                  |
| 136 | Lê Thị Tuyết     | Châm   |          | 1979 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 03/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4          | 0.330                                                             | 1,597,200 |                  |
| 137 | Ngô Thị Hồng     | Tươi   |          | 1977 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 02/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5          | 0.330                                                             | 1,996,500 |                  |
| 138 | Nguyễn Hữu       | Cường  | 1976     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 139 | Nguyễn Chí       | Thành  | 1977     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 140 | Nguyễn Thị Vân   | Trang  |          | 1978 | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 141 | Luyện Hữu        | Cử     | 1976     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 142 | Nguyễn Minh      | Đức    | 1978     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 143 | Mai Lan          | Phương |          | 1979 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 144 | Tô Thế           | Nguyễn | 1977     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 145 | Đỗ Trường        | Lâm    | 1979     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 146 | Trần Thị Thu     | Hương  |          | 1979 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 147 | Phạm Thị Hương   | Dịu    |          | 1978 | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 148 | Trịnh Đình       | Khuyến | 1978     |      | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |
| 149 | Trần Quang       | Trung  | 1974     |      | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 5                         | 3.66               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 6                      | 3.99                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2          | 0.330                                                             | 798,600   |                  |

| STT                                                                                | Họ đệm           | Tên   | Năm sinh |    | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                           |                    |                   |                          |                           | Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2017 |                        |                       |                   |                          |                                                   | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng) | Chênh lệch | Số tháng  | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------|----------|----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|-----------|---------|
|                                                                                    |                  |       | Nam      | Nữ |                                            | Mã số ngạch/chức danh                                     | Bậc trong ngạch/chức danh | HSL ở bậc hiện giữ | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời điểm được tính hưởng | Mã số ngạch/chức danh                 | Bậc lương sau nâng bậc | HSL mới được nâng bậc | % PCTN vượt khung | Hệ số chênh lệch bảo lưu | Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau |                                                                   |            |           |         |
| 150                                                                                | Đỗ Văn           | Nhạ   | 1973     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 6                         | 3.99               |                   |                          | 04/2014                   | V.07.01.03                            | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3                                                                 | 0.330      | 1,197,900 |         |
| 151                                                                                | Phạm Văn         | Vân   | 1972     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 6                         | 3.99               |                   |                          | 04/2014                   | V.07.01.03                            | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 04/2017                                           | 3                                                                 | 0.330      | 1,197,900 |         |
| 152                                                                                | Nguyễn Thị Thanh | Minh  | 1974     |    | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 6                         | 3.99               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2                                                                 | 0.330      | 798,600   |         |
| 153                                                                                | Nguyễn Thị Minh  | Tâm   | 1979     |    | Thạc sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 6                         | 3.99               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2                                                                 | 0.330      | 798,600   |         |
| 154                                                                                | Dương Văn        | Nhiệm | 1970     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 7                         | 4.32               |                   |                          | 05/2014                   | V.07.01.03                            | 8                      | 4.65                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2                                                                 | 0.330      | 798,600   |         |
| 155                                                                                | Phan Quốc        | Hung  | 1968     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 7                         | 4.32               |                   |                          | 01/2014                   | V.07.01.03                            | 8                      | 4.65                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.330      | 2,395,800 |         |
| 156                                                                                | Vũ Văn           | Cường | 1972     |    | Đại học                                    | V.08.01.03                                                | 6                         | 3.99               |                   |                          | 05/2014                   | V.08.01.03                            | 7                      | 4.32                  |                   |                          | 05/2017                                           | 2                                                                 | 0.330      | 798,600   |         |
| 157                                                                                | Lê Thị           | Huệ   | 1986     |    | Đại học                                    | V.10.02.06                                                | 2                         | 2.67               |                   |                          | 02/2014                   | V.10.02.06                            | 3                      | 3.00                  |                   |                          | 02/2017                                           | 5                                                                 | 0.330      | 1,996,500 |         |
| 158                                                                                | Lưu Văn          | Huy   | 1985     |    | Đại học                                    | V.11.01.03                                                | 1                         | 2.34               |                   |                          | 01/2014                   | V.11.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.330      | 2,395,800 |         |
| 159                                                                                | Bùi Tùng         | Lâm   | 1988     |    | Thạc sĩ                                    | V.11.01.03                                                | 1                         | 2.34               |                   |                          | 03/2014                   | V.11.01.03                            | 2                      | 2.67                  |                   |                          | 03/2017                                           | 4                                                                 | 0.330      | 1,597,200 |         |
| <b>II Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung</b> |                  |       |          |    |                                            |                                                           |                           |                    |                   |                          |                           |                                       |                        |                       |                   |                          |                                                   |                                                                   |            |           |         |
| 160                                                                                | Bùi Trung        | Son   | 1964     |    | Trung cấp                                  | 01.004                                                    | 12                        | 4.06               | 8%                |                          | 03/2016                   | 01.004                                | 12                     | 4.06                  | 9%                |                          | 03/2017                                           | 4                                                                 | 0.041      | 196,504   |         |
| 161                                                                                | Phạm Văn         | Tuyến | 1965     |    |                                            | 01.011                                                    | 12                        | 3.48               | 10%               |                          | 06/2016                   | 01.011                                | 12                     | 3.48                  | 11%               |                          | 06/2017                                           | 1                                                                 | 0.035      | 42,108    |         |
| 162                                                                                | Nguyễn Văn       | Lơ    | 1961     |    | Đại học                                    | V.05.02.07                                                | 9                         | 4.98               | 5%                |                          | 01/2016                   | V.05.02.07                            | 9                      | 4.98                  | 6%                |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.050      | 361,548   |         |
| 163                                                                                | Dương Văn        | Sáng  | 1964     |    | Trung cấp                                  | V.05.02.08                                                | 12                        | 4.06               | 9%                |                          | 01/2016                   | V.05.02.08                            | 12                     | 4.06                  | 10%               |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.041      | 294,756   |         |
| 164                                                                                | Trần Thị         | Huệ   | 1965     |    | Trung cấp                                  | V.05.02.08                                                | 12                        | 4.06               | 5%                |                          | 01/2016                   | V.05.02.08                            | 12                     | 4.06                  | 6%                |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.041      | 294,756   |         |
| 165                                                                                | Nguyễn Duy       | Bình  | 1954     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 9                         | 4.98               | 5%                |                          | 01/2016                   | V.07.01.03                            | 9                      | 4.98                  | 6%                |                          | 01/2017                                           | 6                                                                 | 0.050      | 361,548   |         |
| 166                                                                                | Nguyễn Hữu       | Đức   | 1966     |    | Tiến sĩ                                    | V.07.01.03                                                | 9                         | 4.98               |                   |                          | 06/2014                   | V.07.01.03                            | 9                      | 4.98                  | 5%                |                          | 06/2017                                           | 1                                                                 | 0.249      | 301,290   |         |

Trong danh sách này có:

- Nâng bậc lương thường xuyên:

- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung:

166 người

159 người

7 người



Nguyễn Thị Lan